

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2017/KDTM-ST
Ngày 20/9/2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức và bà Đào Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2016/TLST- KDTM ngày 26/10/2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST- KDTM, ngày 07/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-KDTM ngày 29/8/2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB). Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L , chức vụ Tổng GD; Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc T , chức vụ: giám đốc chi nhánh Đồng Nai; ông T ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Thu A , sinh năm 1985, chức vụ: chuyên viên quan hệ khách hàng Phòng giao dịch Trảng Bom(bà Thu A có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1983. Trú tại: ấp ST , xã G , huyện TB, tỉnh Đồng Nai và Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1977. Nơi cư trú cuối cùng: tổ 2, ấp 3, xã ST, huyện TB , tỉnh Đồng Nai (bà T, ông Tr vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) trình bày: Giữa ngân hàng và vợ chồng ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận vay tiền, cụ thể tại hợp đồng số 123/2012/HĐTC-CN/SHB.ĐNA-TB ngày 08/5/2012, Ngân hàng TMCP Sài Gòn-

Hà Nội có cho ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng), mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán cá tươi, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, lãi suất vay 20%/năm được thay đổi 03 tháng một lần. Ngày 08/5/2012, ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đã nhận nợ số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) từ ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội chi nhánh Đồng Nai-Phòng giao dịch huyện Trảng Bom.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 03, xã G, huyện T B (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 722371 do UBND Thống Nhất nay là huyện Trảng Bom cấp ngày 21/01/1998 hiện ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy CN.QSD đất).

Kể từ ngày 22/07/2012 ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T không trả lãi cho Ngân hàng SHB và đến thời hạn trả tiền gốc là ngày 08/5/2013 ông Tr và bà T không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nêu trong hợp đồng cho Ngân hàng SHB.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội số tiền gốc là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi, cụ thể: lãi trong hạn là 407.111.868 đ và lãi quá hạn là 143.188.752đ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 03, xã G, huyện T B (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 722371 do UBND Thống Nhất nay là huyện Trảng Bom cấp ngày 21/01/1998 hiện ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy CN.QSD đất) dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án nếu ông Tr bà T không trả nợ tổng số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng SHB.

*Tại bản tự khai đề ngày 16/01/2017 bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thừa nhận bà và ông Tr có vay số tiền gốc 430.000.000đ của Ngân hàng SHB là hoàn toàn đúng, việc đề nghị của Ngân hàng về việc trả số tiền gốc và tiền lãi bà T hoàn toàn đồng ý nếu không trả được tổng số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do công việc bận bà T đề nghị Tòa án được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử. Tất cả các tài liệu, chứng cứ bà T đã được biết và không có ý kiến gì.

Ông Nguyễn Xuân Tr đã bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú là ấp 3, xã ST, huyện T B từ năm 2014 nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cho rằng thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ các bên đương sự về kiến nghị vụ án là vi phạm thời hạn xét xử. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội số tiền nợ gốc

430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn là 407.111.868 đ (bốn trăm lẻ bảy triệu một trăm mười một ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn là 143.188.752đ (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, qua hỏi và tranh luận, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, căn cứ khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét tư cách các đương sự trong vụ án thì thấy: ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T bị khởi kiện, căn cứ khoản 3 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Tr và bà T là bị đơn.

[3] Về tố tụng: ông Nguyễn Xuân Tr đã bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú cuối cùng là ấp 3, xã S T , huyện T B từ năm 2014, tòa án đã giải quyết việc dân sự “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” và đã ra Thông báo tìm kiếm ông Tr. Sau khi đăng, phát thông báo tìm kiếm nêu trên, cho đến nay vẫn không có tin tức gì. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Tr, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Tại kết luận giám định số 1729/C54B ngày 24/5/2017 của phân viện Khoa học hình sự thuộc Tổng cục cảnh sát tại Tp.Hồ Chí Minh kết luận:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Xuân Tr trên tài liệu cần giám định: “ Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay” đề ngày 15/05/2012 (ký hiệu A7) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân Tr trên 06 tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M6) là do cùng một người ký ra

+ Chữ viết họ tên “ Nguyễn Xuân Tr ” trên 07 tài liệu cần giám định: dưới mục “ Bên vay” trên “Hợp đồng tín dụng ngắn hạn” đề ngày 08/05/2012(ký hiệu A 1); dưới mục “ Bên thế chấp” trên “ Hợp đồng thế chấp tài sản” đề ngày 08/05/2012(ký hiệu A2), “Biên bản định giá tài sản bảo đảm” đề ngày 08/05/2012 (ký hiệu A 3); dưới mục “ Đại diện bên vay” trên “ Khế ước nhận nợ” đề ngày 08/05/2012(ký hiệu A 4); dưới mục “Bên ủy quyền” trên “Hợp đồng ủy quyền” đề ngày 08/05/2012(ký hiệu A5); dưới mục “ Bên thế chấp” trên “ Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” đề ngày 08/05/2012(ký hiệu A 6); dưới mục “ Đại diện khách hàng” trên “ Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay” đề ngày 15/05/2012(ký hiệu A7) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Xuân Tr trên 06 tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M6) là do cùng một người viết ra.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2017 bà Thúy cũng thừa nhận là bà và ông Tr có vay số tiền gốc 430.000.000đ của Ngân hàng SHB là hoàn toàn đúng, việc đề nghị của Ngân hàng về việc trả số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật bà T hoàn toàn đồng ý nếu không trả được tổng số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 03, xã G, huyện T B (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 722371 do UBND Thống Nhất nay là huyện Trảng Bom cấp ngày 21/01/1998 hiện ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy CN.QSD đất) dùng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở kết luận:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền vốn:

Theo thỏa thuận trong hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 123/2012/HĐTDNH-CN/SHB.ĐNA-TB ngày 08/5/2012 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân Tr thì đến ngày 08/05/2013 thì bà T và ông Tr có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền vốn cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội(SHB) chi nhánh Đồng Nai số tiền vốn là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) nhưng đến nay ông Tr và bà T không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy cần buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội(SHB) số tiền vốn là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn, quá hạn tại hợp đồng nêu trên giữa Ngân hàng và ông Tr, bà T. Xét thấy Ngân hàng yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật, tổng cộng đến hết ngày 20/9/2017 lãi suất trong hạn và quá hạn của hợp đồng nêu trên là 550.300.620đ (trong đó lãi trong hạn là 407.111.868 và lãi quá hạn là 143.188.752đ). Do vậy buộc ông Tr và bà T liên đới thanh toán tiền lãi nêu trên cho Ngân hàng.

[4.3] Về yêu cầu tài sản thế chấp dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 03, xã G, huyện T B (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 722371 do UBND Thống Nhất nay là huyện Trảng Bom cấp ngày 21/01/1998 hiện ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy CN.QSD đất). Việc thế chấp đúng quy định của pháp luật, nên quyền sử dụng thửa đất nêu trên dùng bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội nếu ông Tr, bà T không có khả năng thanh toán khoản nợ với tổng số tiền 980.300. 620 đ cho Ngân hàng SHB.

***/ Về án phí:** Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ông Tr và bà T có nghĩa vụ liên đới nộp 41.409.018 đ {36.000.000đồng +(180.300.620đ x 3%)} án phí KDTMST.

***/Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết và chi phí tố tụng do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên cần áp dụng điều 161 Bộ luật TTDS cần buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ngân hàng SHB số tiền 4.820.000đ.**

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cho rằng thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ các bên về kiến nghị vụ án vi phạm thời hạn xét xử. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội số tiền nợ gốc 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn là 407.111.868 đ (bốn trăm lẻ bảy triệu một trăm mười một ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi quá hạn là 143.188.752đ (một trăm bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng) và nộp án phí theo quy định của pháp luật. Việc kiến nghị vi phạm thời hạn của Viện kiểm sát đối với vụ án Tòa án rút kinh nghiệm. Việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH.

Áp dụng các điều 30; 147;161; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/ 02/ 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các loại án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB).

- Buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) tổng số tiền 980.300.620 đ (chín trăm tám mươi triệu ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến hết ngày 20/9/2017 là 550.300.620đ (năm trăm năm mươi triệu ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày 21/9/2017 nếu ông Tr và bà T chưa thanh toán được số tiền nợ gốc nêu trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

-Buộc ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ngân hàng SHB số tiền 4.820.000đ(bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) chi phí tố tụng.

2/ Về yêu cầu tài sản thế chấp dùng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 03, xã G , huyện TB (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 722371 do UBND Thống Nhất nay là huyện Trảng Bom cấp ngày 21/01/1998 hiện ông Nguyễn Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy CN.QSD đất) dùng bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội nếu ông Tr , bà T không có khả năng thanh toán khoản nợ

với tổng số tiền 980.300.620 đ (chín trăm tám mươi triệu ba trăm ngàn sáu trăm hai mươi đồng) cho Ngân hàng SHB

3/ Về án phí: Ông Tr và bà T có nghĩa vụ liên đới nộp 41.409.018đ (bốn mươi một triệu bốn trăm lẻ chín ngàn không trăm mười tám đồng) án phí KDTMST.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) số tiền 19.920.000đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo phiếu thu số 006859, ngày 25/10/2016 tại Chi cục THADS huyện Trảng Bom.

Người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ/s
- TAND tỉnh
- VKS huyện
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triều Châu

